

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-4-2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thanh Phương

Bà Lê Thị Kim Xuyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 592/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 262/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Trương Hồng Ch**, sinh năm 1987.

HKTT: Tổ 1, khu 12, phường M, thành phố P, tỉnh Q.

Tạm trú: ấp 2, xã T, huyện N, tỉnh Đ.

*2. Bị đơn:* Anh **Vũ Văn N**, sinh năm 1983.

HKTT: Tổ 1, khu 12, phường M, thành phố P, tỉnh Q.

Tạm trú: nhà trọ Trần Thế B, khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Nguyên đơn chị Trương Hồng Ch trình bày:*

Chị và anh Vũ Văn N chung sống vào năm 2007, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện X, tỉnh B (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01/2007 ngày 20/7/2007).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến, anh N không có trách nhiệm với gia đình. Mặt khác anh N còn quan hệ trai gái bên ngoài. Từ tháng 3/2020 anh chị sống ly thân nhau cho đến nay không hòa giải đoàn tụ. Nay chị cương quyết xin ly hôn với anh N vì vợ chồng hết tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài.

- Con chung: có 02 cháu là Vũ Trương Xuân B, sinh ngày 20/02/2008 và Vũ Duy Kh, sinh ngày 24/4/2011. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay thì chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh N chỉ thỉnh thoảng đến thăm con. Nếu ly hôn, chị xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm việc bán thời vụ, ngoài ra có buôn bán thêm nên đủ khả năng nuôi con.

- Tài sản chung: không có.

- Nợ chung: không có.

Do bận đi làm nên chị xin vắng mặt khi xét xử vụ án.

*\* Bị đơn anh Vũ Văn N đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án cung cấp chứng cứ nên không có bản khai.*

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa, giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Trương Hồng Ch và anh Vũ Văn N tự nguyện chung sống vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện X, tỉnh B. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Trương Xuân B, sinh ngày 20/02/2008 và Vũ Duy Kh, sinh ngày 24/4/2011. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không có trách nhiệm với gia đình. Từ tháng 03/2020 cho đến nay, chị Ch và anh N sống ly thân nhau không hòa giải đoàn tụ. Nay chị Ch xin ly hôn anh N, xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9,11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ch.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trương Hồng Ch có yêu cầu vắng mặt, anh Vũ Văn N đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Trương Hồng Ch yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Vũ Đức N. Thời điểm Tòa án thụ lý vụ án (ngày 15/10/2020) thì anh N đang tạm trú và sinh sống tại nhà trọ Trần Thế B, khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án (tính đến tháng 3/2021) thì anh N vẫn tạm trú và sinh sống tại khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ. Tại biên bản xác minh ngày 14/4/2021 thể hiện anh N đã chuyển nơi cư trú (đi đâu không rõ). Tuy nhiên căn cứ vào khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì *“Trường hợp vụ án dân sự đã được Tòa án thụ lý và đang giải quyết đúng quy định của bộ luật này về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì phải được Tòa án đó tiếp tục giải quyết mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án có sự thay đổi nơi cư trú, trụ sở hoặc địa chỉ giao dịch của đương sự”*. Từ nhận định nêu trên, Tòa án nhân dân huyện N tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định.

Quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Trương Hồng Ch, bị đơn là anh Vũ Văn N.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Hồng Ch và anh Vũ Văn N chung sống vào năm 2007, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện X, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyền số 01/2007 ngày 20/7/2007. Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay chị Ch xin ly hôn anh N vì không còn tình cảm vợ chồng.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị Ch khai là do anh N không có trách nhiệm với gia đình, chị nghi ngờ anh có quan hệ trai gái. Từ tháng 03/2020 cho đến nay, vợ chồng chị sống ly thân nhau không hòa giải đoàn tụ lần nào. Quá trình giải quyết vụ án, anh N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không đến Tòa án, từ đó thể hiện anh N không mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị Ch.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Ch và anh N đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị Ch được ly hôn anh N là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị Ch khai có 02 con chung là Vũ Trương Xuân B, sinh ngày 20/02/2008 và Vũ Duy Kh, sinh ngày 24/4/2011. Ly hôn, chị Ch xin nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi chị Ch và anh N sống ly thân nhau đến nay thì hai con chung được chị Ch trực tiếp chăm sóc, cháu B và Kh cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, anh N không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy để đảm bảo cho cháu B, Kh được phát triển ổn

định về thể chất lẫn tinh thần, cần giao cho chị Ch nuôi dưỡng con chung, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

[5]. Tài sản chung: Chị Ch khai không có nên không xét.

[6]. Nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Chị Ch phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000, các điều 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Hồng Ch về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Vũ Văn N.

1. Xử: Cho chị Trương Hồng Ch được ly hôn anh Vũ Văn N.

2. Về con chung: Xử giao cháu Vũ Trương Xuân B, sinh ngày 20/02/2008 và Vũ Duy Kh, sinh ngày 24/4/2011 cho chị Ch nuôi dưỡng. Tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trương Hồng Ch phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000858 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị Ch đã nộp đủ án phí.

Chị Trương Hồng Ch, anh Vũ Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Mai**

